TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2024.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Danh;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 462/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1988; cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1992; cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa hôm nay tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông T và bà T1 là do tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, xảy ra nhiều tranh cãi, không khí gia đình rất ngột ngạt, ông bà quyết định ly thân nhau. Nhiều lần gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên ông T kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Văn V, sinh ngày 02/9/2009, hiện nay con chung đang sống cùng với ông và gia đình. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý theo nguyện vọng của con, nếu do ông nuôi thì ông không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà T1.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà T1 theo quy định nhưng bà vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông T, bà T1 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh tại Công an xã V và Ban N ngày 01/7/2024 xác định bà T1 vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về tình trạng hôn nhân: Bà Phan Thị Bích T2 – em ruột ông T cho biết nguyên nhân ông T xin ly hôn là do mâu thuẫn xuất phát từ việc bà T1 có quan hệ tình cảm với người khác, ông T khuyên ngăn thì vợ chồng xảy ra tranh cãi, bà T1 không đồng ý tiếp tục chung sống với ông T nên đã ly thân hơn 07 năm nay. Ông T và gia đình hai bên có tìm cách để hàn gắn nhưng không thành, chỉ làm mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay ông T nhận thấy có hàn gắn quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên quyết định ly hôn với bà T1. Gia đình hai bên không có ý kiến để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt có đơn; riêng bà T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông T chung sống với bà T1 đến năm 2018 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T1 hiện cư trú tại xã V nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông T và bà T1 tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông T vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà T1. Tại phiên hòa giải, ông T yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với bà T1. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa ông T và bà T1 từ khoảng năm 2018 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên đã lên tiếng nhưng ông bà vẫn không quay lại chung sống. Ông T cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, xảy ra nhiều tranh cãi, không khí gia đình rất ngột ngạt, bà T1 không đồng ý tiếp tục chung sống nên ông bà ly thân nhau. Lời trình bày trên phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án thu thập được.

Trong quá trình tố tụng, bà T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, bà cũng đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía ông T cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc ông T trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Văn V, sinh ngày 02/9/2009, hiện nay con chung đang sống cùng với ông T và gia đình. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý theo nguyện vọng của con, nếu do ông T nuôi thì ông không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung hiện sống ổn định, được đi học, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát của cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng ông T nên việc tiếp tục giao con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của ông.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Phan Văn T.

1. Về hôn nhân: Ông Phan Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Văn V, sinh ngày 02/9/2009 cho ông Phan Văn T tiếp tục nuôi dạy.

Công nhận tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T cung các thành viên gia đình không được cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009489 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Ông T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2024), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân